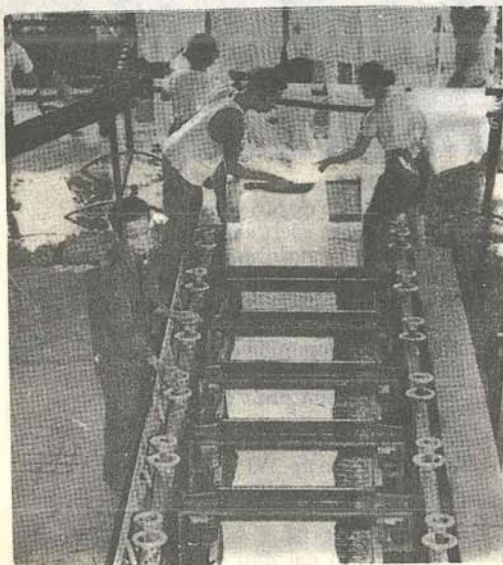


I. NHỮNG QUAN ĐIỂM VỀ VAI TRÒ KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC

Giới hạn thích hợp về sự can thiệp của nhà nước vào kinh tế ở các nước và những giai đoạn phát triển khác nhau trong mỗi nước luôn luôn là vấn đề được tranh luận.

Theo Adam Smith và các nhà kinh tế học cổ điển thì nhà nước chỉ nên thực hiện những chức năng nguyên thủy của mình là: - Lập pháp, - Bảo vệ an ninh quốc gia, - Xét xử



những tranh chấp, chứ không nên can thiệp vào các hiện tượng và quá trình kinh tế cụ thể. Các quá trình kinh tế cụ thể hãy để cho thị trường với những quy luật khách quan của nó như "bàn tay vô hình" điều tiết. Như vậy sẽ đảm bảo cho nền kinh tế phát triển năng động, linh hoạt và có hiệu quả hơn. Ở đây sự can thiệp vào kinh tế của nhà nước mang tính gián tiếp với quan điểm "nhà nước quản lý giới là nhà nước quản lý ít nhất".

Quan điểm về vai trò kinh tế của nhà nước như vậy đã được thực hiện trên thực tế trong thời kỳ nền kinh tế tư bản chủ nghĩa giai đoạn tự do cạnh tranh.

Một số nhà kinh tế khác lại cho rằng để đảm bảo cho nền kinh tế phát triển có kế hoạch cân đối, nhà nước phải đóng vai trò là một trung tâm kinh tế và can thiệp sâu sắc, rộng rãi vào nền kinh tế quốc dân ở cả tầm vĩ mô lẫn vi mô. Lí luận này được vận dụng trên thực tế trong nền kinh tế kế hoạch hóa trực tiếp tập trung cao độ - nền kinh tế chỉ huy.

J.M. Keynes thì lập luận rằng nguyên nhân đưa đến khủng hoảng kinh tế và thất nghiệp gia tăng là do nhà nước không can thiệp vào kinh tế hoặc can thiệp nhưng những chính

VAI TRÒ NHÀ NƯỚC TRONG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

PTS ĐÌNH SƠN HÙNG

sách kinh tế lại lạc hậu, bảo thủ. Do vậy theo ông để hạn chế, ngăn chặn khủng hoảng kinh tế, thất nghiệp thì nhà nước phải can thiệp vào kinh tế bằng những chính sách kinh tế vi mô thích hợp.

Khảo nghiệm trên thực tế những lí thuyết về vai trò kinh tế của nhà nước cho thấy rằng chỉ thuần túy với "bàn tay thị trường" hay "bàn tay nhà nước" đều không thể đảm bảo cho nền kinh tế tăng trưởng và phát triển ổn định, lâu dài.

Trên cơ sở kết hợp những lí thuyết kinh tế đã có từ trước với thực tiễn, trường phái chính hiện đại xây dựng lí thuyết "nền kinh tế hỗn hợp". Lí thuyết này chứng minh sự cần thiết phải có "hai người" cùng tham gia vào hoạt

động kinh tế và điều tiết kinh tế đó là thị trường và nhà nước. Nhưng sự can thiệp vào kinh tế của nhà nước chủ yếu giới hạn ở tầm vi mô.

Cho tới ngày nay kinh tế thị trường vẫn tỏ rõ là mô hình kinh tế ưu việt nhất, hiệu quả nhất, đầy sức sống và sức thuyết phục nhất. Nhưng như vậy không có nghĩa là cơ chế kinh tế thị trường thuần túy không có những khiếm khuyết. Chính những khiếm khuyết của thị trường đòi hỏi tất yếu về sự can thiệp kinh tế của nhà nước. Tuy vậy, sự can thiệp hay vai trò kinh tế của nhà nước ở đây phải được đặt trong kinh tế thị trường chứ không phải trong một mô hình kinh tế nào khác.

Trong kinh tế thị trường, vai trò kinh tế của nhà nước được tập trung ở hiệu lực quản lý kinh tế vi mô, mà nhiều nhà kinh tế cho rằng nó được đánh giá bởi mức độ hoàn thiện của công thức nhà nước mạnh + luật pháp hoàn chỉnh + thực lực kinh tế đủ mạnh.

Trong kinh tế thị trường, nhà nước mạnh trước hết phải là nhà nước giỏi chiến lược, bao gồm biết hoạch định, lựa chọn và tổ chức thực hiện chiến lược có hiệu quả cao nhất. Nhờ đó mà nâng đỡ mọi doanh nghiệp,

mọi thành phần kinh tế lựa chọn được phương án đầu tư trong chiến lược dài hạn của họ nhưng không xen vào quyết định nghiệp vụ của họ.

Thứ hai, nhà nước mạnh phải là nhà nước biết kích thích các tác nhân kinh tế, biết khơi dậy mọi tiềm năng bằng một hệ thống chính sách thích hợp để khuyến khích tiết kiệm, đầu tư và quyết tâm.

Có nhiều nhân tố tạo nên động lực phát triển kinh tế như lợi ích kinh tế, tài nguyên thiên nhiên và những nhân tố phi kinh tế (truyền thống, văn hóa, giáo dục...). Nhưng tất cả mọi nhân tố tạo nên động lực kinh tế chỉ thể hiện ý nghĩa trên thực tiễn khi nó được khơi dậy, được giải tỏa bởi một cơ chế quản lý tiến bộ với những chính sách kinh tế đầy sự kích thích. Thành tựu phát triển kinh tế nước ta khi chuyển từ nền kinh tế chỉ huy tập trung sang cơ chế kinh tế thị trường là minh chứng sinh động.

Thứ ba, nhà nước mạnh không phải là nhà nước can thiệp quá liều lượng vào nền kinh tế, mà là người điều hòa của nền kinh tế thị trường mở; tạo ra được mặt bằng kinh tế, luật pháp cho các thị trường để tăng cường tính cạnh tranh của mọi doanh nghiệp, mọi thành phần kinh tế.

Thứ tư, nhà nước mạnh phải được thể hiện ở cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động của nó. Đó là một nhà nước gọn nhẹ và thành thạo, không quản lý đất nước bằng số lượng nhân viên của mình hay bằng các quyết định tùy tiện mà bằng các viên chức nhà nước không nhiều nhưng có trình độ cao. Thực tế cho thấy rằng chiến lược giỏi, chính sách hay vẫn chẳng mang lại kết quả mong muốn nếu cơ cấu, bộ máy tổ chức của nhà nước cồng kềnh. Số lượng nhân viên càng đông thì hiệu lực hoạt động của bộ máy càng thấp; tập trung quan liêu tất dẫn đến chỉ huy phân tán.

Thứ năm, về thực lực kinh tế của nhà nước. Đây là vấn đề còn những quan điểm trái ngược nhau. Quan điểm cá nhân cho rằng nhà nước có thực lực kinh tế mạnh không phải ở số lượng các doanh nghiệp do nhà nước sở hữu, mà là ở chỗ:

- Tùy theo yêu cầu cụ thể, nhà nước lựa chọn một cách chính xác để có thể kiểm soát ngành này, can thiệp

4 PHÁT TRIỂN KINH TẾ

điều tiết lĩnh vực kia hoặc bảo trợ năng đỡ những hoạt động khác một cách có hiệu quả nhằm đảm bảo thực hiện mục tiêu kinh tế - xã hội của đất nước.

- Trong mỗi giai đoạn khác nhau nhà nước đều định hướng hợp lý mức độ, phạm vi can thiệp vào nền kinh tế. Vì không thể có giới hạn chung thích hợp về sự can thiệp của nhà nước vào kinh tế cho mọi giai đoạn. Vì sự can thiệp vào kinh tế của nhà nước phải đảm bảo sự tăng trưởng, phát triển kinh tế nhanh, ổn định, bền vững.

- Thực lực kinh tế của nhà nước còn được thể hiện ở trình độ, hiệu năng sử dụng những công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô.

II. NHỮNG CÔNG CỤ CƠ BẢN ĐIỀU TIẾT KINH TẾ VĨ MÔ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Luật pháp.

Nhà nước pháp quyền trước hết phải được thể hiện ở những bộ luật đồng bộ, đầy đủ và khoa học. Thứ hai, là việc thực hiện luật pháp trên thực tế một cách nghiêm minh, đảm bảo sự bình đẳng hoàn toàn cho mọi công dân trước pháp luật. Thứ ba, là quá trình tổ chức giám sát, kiểm tra thực hiện pháp luật. Tất cả đều nhằm đảm bảo cho việc thực thi một kiểu nhà nước dựa trên cơ sở pháp luật, được thực hiện thông qua luật pháp và bị hạn chế bởi luật pháp. Như vậy nhà nước trong toàn bộ hoạt động của mình phải dựa vào pháp luật và thực hiện mọi hoạt động của mình phù hợp với pháp luật. Pháp luật do vậy phải phản ánh trong bản thân nó sự vận động của nền kinh tế thị trường, tư tưởng nhân đạo, các nguyên tắc tự do, bình đẳng của con người; tìm tòi những cơ cấu và công cụ chống lại sự chiếm đoạt quyền lực công quyền và tình trạng sử dụng quyền lực vô trách nhiệm đối với cá nhân và xã hội.

Có thể nói rằng độ tin cậy của các nhà đầu tư với nhà nước được tập trung và phản ánh ở mức tin cậy vào luật pháp. Vì luật pháp có tính ổn định và bền vững cao hơn so với các chính sách, chủ trương.

2. Kế hoạch

Kế hoạch hóa là hoạt động có hướng đích của chính phủ (hay của hộ gia đình, doanh nghiệp) nhằm đạt mục tiêu đã định.

Chức năng chủ yếu của kế hoạch hóa là phát huy tiềm năng tổng hợp của nền kinh tế (hộ gia đình, doanh nghiệp) theo những định hướng thống nhất tạo nên cơ cấu hợp lý, thúc đẩy tăng trưởng nhanh và giữ cân bằng tổng thể. Nền kinh tế thị trường của ta cũng như của nhiều nước khác là nền kinh tế kế hoạch, có sự quản lý của nhà nước bằng kế hoạch và các công cụ khác.

Trong nền kinh tế thị trường cần và có thể phân biệt hai loại kế hoạch:

kế hoạch kinh tế - xã hội (vĩ mô) và kế hoạch sản xuất kinh doanh (vi mô). Kế hoạch kinh tế - xã hội hay kế hoạch nhà nước là kế hoạch định hướng, hướng dẫn do nhà nước xây dựng nhằm xác định hướng phát triển và các cân đối lớn cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Kế hoạch này vừa tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh vừa đảm bảo sự thống nhất giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng và tiến bộ xã hội.

Còn kế hoạch sản xuất kinh doanh là kế hoạch hành động, kế hoạch làm ăn, mua bán do các doanh nghiệp xây dựng và quyết định dựa theo kế hoạch nhà nước và thị trường. Kế hoạch kinh doanh phải đạt mục tiêu vừa thỏa mãn tốt nhu cầu xã hội vừa thu lợi nhuận tối đa.

Như vậy kế hoạch kinh tế - xã hội không hoàn toàn phụ thuộc vào thị trường và có thể điều tiết thị trường. Còn kế hoạch sản xuất kinh doanh phải gắn chặt với thị trường, coi thị trường là mệnh lệnh, đối tượng của kế hoạch.

3. Chính sách tài chính

Chính sách tài chính thể hiện chủ yếu ở hai nội dung: thu và chi tiêu của chính phủ, từ đó tác động vào tổng cung, tổng cầu, sản lượng, giá cả và việc làm.

Khi chính sách tài chính được áp dụng để giảm hoặc thoát khỏi suy thoái kinh tế thì gọi là chính sách tài chính mở rộng, nó tác động thông qua hai con đường:

- Tăng chi tiêu của chính phủ, như đẩy mạnh sản xuất hàng công cộng, tăng đơn đặt hàng mua và những khoản chi khác. Như vậy sẽ làm tăng tổng cầu qua đó tác động và kích thích làm tăng tổng cung. Vì vậy giải quyết vấn đề suy thoái và thất nghiệp.

- Giảm thuế, sẽ kích thích tiêu dùng và đầu tư. Do vậy sẽ thúc đẩy kinh tế phát triển, tạo điều kiện giải quyết việc làm.

Khi chính sách tài chính được áp dụng để giảm lạm phát thì gọi là chính sách tài chính thắt chặt. Nó cũng tác động đến các biến số của nền kinh tế vĩ mô thông qua hai con đường:

+ Giảm chi tiêu của chính phủ, như giảm đầu tư sản xuất hàng công cộng và đơn đặt hàng. Kết quả dẫn đến là giảm cầu quá mức của xã hội, bình ổn vật giá, hạn chế lạm phát và đương nhiên cũng hạn chế tốc độ tăng trưởng kinh tế.

+ Tăng thuế, có thể làm giảm thu nhập, giảm tiêu dùng, giảm đầu tư và giảm cầu xã hội quá mức khiến giá cả đi vào ổn định.

4. Chính sách tiền tệ

Cùng với chính sách tài chính, tiền tệ là nhân tố quan trọng tác động đến sản lượng, thất nghiệp và lạm phát

trong nền kinh tế quốc dân. Sự tác động của tiền tệ vào nền kinh tế theo ba bước lô gích: những thay đổi trong mức cung về tiền tệ tác động đến lãi suất, khối lượng và điều kiện tín dụng; lãi suất và điều kiện tín dụng lại tác động đến việc sử dụng vốn có liên quan đến lãi suất và cuối cùng là tổng mức cầu thay đổi trong quan hệ cân đối giữa sản lượng và giá cả.

Chính sách tiền tệ có thể tóm lại gồm hai loại chính sách định lượng như sau:

- Chính sách mở rộng tiền tệ, là chính sách nhằm cung cấp thêm tiền cho nền kinh tế để khuyến khích đầu tư, phát triển sản xuất, tạo công ăn việc làm.

- Chính sách thu hẹp tiền tệ, chính sách làm giảm bớt lượng cung ứng tín dụng, nhằm hạn chế đầu tư, ngăn chặn sự phát triển quá đà của nền kinh tế, ngăn chặn lạm phát có thể xảy ra trong tương lai.

Về cơ bản, lâu dài, chính sách tiền tệ phải hướng vào ba mục tiêu lớn:

- Gia tăng sản lượng, thúc đẩy kinh tế phát triển.

- Tạo công ăn việc làm.

- Ổn định giá trị tiền tệ, kiểm soát lạm phát.

Để thực hiện chính sách tiền tệ, ngân hàng trung ương có thể sử dụng nhiều loại công cụ khác nhau tùy theo điều kiện thực tế cụ thể và trình độ, nhận thức của các viên chức ngân hàng. Nhưng trọng yếu được sử dụng là ba công cụ:

- Lãi suất chiết khấu.

- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc.

- Thị trường tiền tệ mở.

Trên đây là những công cụ quan trọng mà các nhà nước đã sử dụng để điều tiết kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế thị trường. Nhưng sử dụng những công cụ đó một cách cụ thể thế nào, đạt hiệu quả ra sao thì tùy thuộc khả năng của các nhà chính khách và các nhà kỹ trị.

Ở đây có điều cần lưu ý là, một mặt mỗi chính sách đều có tính hai mặt, vì vậy tùy theo mức độ cấp thiết của những nhiệm vụ trong các giai đoạn khác nhau mà lựa chọn mặt nào có lợi nhiều hơn. Mặt khác, nền kinh tế luôn vận động, biến đổi, do vậy mỗi chính sách kinh tế sẽ có thời điểm "bảo hòa". Vì thế cần phải kiểm tra, luận giải thường xuyên để, biết thời điểm "bảo hòa" của mỗi chính sách. Trên cơ sở đó thay đổi chính sách một cách kịp thời, linh hoạt, uyển chuyển. Nhưng như vậy không có nghĩa là thực hiện sự thay đổi thường xuyên, liên tục các chính sách đã ban hành. Và điều đó lại yêu cầu phải cân nhắc, tính toán chính xác, kỹ lưỡng cho mỗi chính sách trước khi ban hành.

Tài liệu tham khảo

- P. Samuelson và W. Nordhaus, *Kinh tế học*.